

Những Người Việt Đầu Tiên Tại Úc.

Nguyễn Quang Duy

Ở thời điểm 30/4/1975 chỉ có trên 1,000 người Việt tại Úc, gồm những phụ nữ lập gia đình với Úc, sinh viên du học ở lại Úc, sinh viên đang du học, viên chức đang làm việc hay tu nghiệp, tu sĩ công giáo tu học và trẻ mồ côi sang Úc vào tháng 4/1975. Trừ các trẻ mồ côi chưa hiểu biết, đa số đều lo lắng cho gia đình bị kẹt lại ở Việt Nam. Các sinh viên đang theo học và viên chức miền Nam còn nhận được thư của Chính phủ Lao Động Gough Whitlam yêu cầu thu xếp hồi hương.

Nữ hoàng Anh và quyết định cho những người Việt đến Úc đầu tiên

Ngay sau 30/4/1975, Nữ hoàng Elizabeth Đệ Nhị, nguyên thủ quốc gia của nhiều nước trong khối Commonwealth, chấp nhận cho người di tản Việt được tạm cư tại Hong Kong, Singapore, Malaysia và “vận động” Chính phủ Whitlam vì nhân đạo nhận một số người. Ngày 20/6/1975, 201 người từ Hong Kong đến định cư tại Sydney và ngày 9/8/1975, 323 người từ Malaysia và Singapore đến Brisbane theo diện nhân đạo. Chính phủ Whitlam còn nhận 224 người Việt theo diện đoàn tụ gia đình, tôn giáo và di dân, nâng tổng số người đến Úc trong năm 1975 lên đến 748 người.

- Từ đảo Guam đến Melbourne có gia đình Giáo sư Nguyễn ngọc Truyền gồm chừng 40 người theo diện đoàn tụ gia đình.
- Từ Guam theo diện di dân có Điều khắc gia Lê Thành Nhơn cùng vợ và 4 con nhỏ vào tháng 9/1975
- Từ Nhật đến Melbourne, có gia đình Tiến sĩ Nguyễn Triệu Đan, cựu Đại sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Nhật, gồm 7 người vào giữa tháng 7/1975 Ông Đan phải ký giấy hứa khi đến Úc “không được làm chính trị”.

“Không làm chính trị là sao?”

Ngày 21/8/1975, Thủ tướng Whitlam bị đảng Tự Do chất vấn, phải thú nhận có 9 người Việt bị buộc phải ký giấy hứa khi đến Úc “không được làm chính trị”. Ông Whitlam lập luận rằng 9 người này đều hoạt động chính trị hay tham dự vào hoạch định chính sách thời Việt Nam Cộng Hòa, nên họ có thể dùng lãnh thổ Úc làm căn cứ nhằm lật đổ chính phủ một nước đã được Úc công nhận. Ông Whitlam bị đảng đối lập và truyền thông phản đối ông đã làm trái với truyền thống tự do chính trị tại Úc, kỳ thị người miền Nam Việt Nam, đòi ông phải hủy bỏ giấy hứa, phải xin lỗi người tị nạn và xin lỗi công chúng Úc.

Theo hồi ký của Tiến sĩ Nguyễn Triệu Đan, giới chức Úc cho biết ông giữ nhiều chức vụ quan trọng dưới thời Việt Nam Cộng hòa, những chức vụ ấy đều mang tính cách chính trị, nên nếu muốn đi Úc ông phải ký giấy hứa không làm chính trị. Ông Đan nghĩ suốt đời ông chỉ làm công chức cho chính phủ không hề làm chính trị, nên chấp nhận ký. Còn cựu chủ tịch Thượng Viện ông Trần văn Lắm luôn bị dẫn vật chỉ vì rất muốn đoàn tụ với gia đình ở Úc mà phải ký giấy này. Được biết, Luật sư Lưu Tường Quang và ngay cả ông Đoàn Bá Cang, cựu Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Úc trước ngày mất nước, cũng bị buộc phải ký giấy hứa này.

Bỏ rơi nhân viên Việt Nam

Ngày 20/4/1975, Đại sứ Úc tại Việt Nam Geoffrey John Price gửi điện tín mật cho Thủ tướng Whitlam thông báo Sài Gòn đang thất thủ và yêu cầu cho lệnh di tản nhân viên tòa đại sứ, công dân Úc và xin cấp sổ thông hành đặc biệt cho nhân viên Việt làm việc cho tòa đại sứ Úc. Ngày 21/4/1975, Ngoại Trưởng Úc Dân biểu Don Willesee đề nghị ông Whitlam cấp thẻ thông hành cho 115 người Việt gồm nhân viên làm việc cho tòa đại sứ Úc và gia đình nhằm tránh cho họ bị cộng sản trả thù. Nhưng trái với tinh thần nhân đạo của người Úc, ngày 25/4/1975, Thủ tướng Whitlam ra lệnh đóng cửa tòa Đại sứ, di tản khỏi miền Nam, mà không cấp thông hành và bỏ lại hầu hết những người Việt đã làm việc cho Úc.

Theo hồi ký của Bộ trưởng Lao Động và Di Dân, Clyde Cameron, Thủ Tướng Whitlam tin rằng người Việt tị nạn cộng sản sẽ trở thành những cử tri chống cộng ủng hộ đảng Tự Do, tương tự như di dân từ ba nước Bắc Âu, sau Thế chiến Thứ Hai.

Hội sinh viên Việt Nam hải ngoại

Theo Radio Australia từ năm 1963 các sinh viên du học Colombo đã thành lập Hội sinh viên Việt Nam hải ngoại tại Úc. Năm 1974, Hội có tới 120 hội viên, nhưng sau biến cố 30/4/1975, những người học xong tản mác khắp nơi, không còn người đi học, Hội giảm dần hoạt động đến năm 1977 chính thức giải tán. Nhiều sinh viên Colombo sau này đã trở thành lãnh đạo hay thành viên sáng lập Cộng đồng Người Việt Tự do.

Hội Đoàn ủng hộ cộng sản

Ngày 26/2/1973, Chính phủ Whitlam chính thức lập quan hệ ngoại giao với nhà cầm quyền Hà Nội, **một số cựu sinh viên Colombo trở mặt ủng hộ công sản chống lại chính quyền miền Nam:**

Theo Radio Australia, ngay sau ngày 30/4/1975, Nguyễn Phạm Điền, một cựu sinh viên Colombo sang Úc từ năm 1962 rồi trốn lại, **đã đứng ra thành lập Hội Đoàn Kết người Việt ở Úc**. Số người theo Hội chỉ chừng 20 trong tổng số từ chừng 500 sinh viên và cựu sinh viên. **Một số hội viên khi biết được thân nhân ở Việt Nam bị đi tù, biết sự thật vi phạm nhân quyền đang xảy ra cho hàng triệu người miền Nam đã bỏ Hội**. Một vài người chuyển sang sinh hoạt với Cộng đồng người Việt Tự do.

Năm 1984, Hội Đoàn Kết đổi tên thành Hội Người Việt Nam tại Úc, ông Điền làm hội trưởng. Những năm đầu thập niên 1990, tôi làm chủ tịch Cộng đồng Người Việt Tự Do tại Canberra, ông Điền sống tại đây, ngoài ông ra tôi không thấy ai khác công khai nhận là hội viên Hội này. **Năm 1996, Hội chính thức giải tán.**

Cũng sau 30/4/1975, **một số khoa bảng thiên tả đã thành lập Hội Úc Việt**, hoạt động chủ yếu trong khuôn viên Đại Học Quốc Gia Úc Đại Lợi (Australian National University) tại Canberra và có phát hành bản tin "Vietnam Today" bằng Anh ngữ và vài cuộc hội thảo "Vietnam Updated". Tôi biết một số hội viên Hội này, trong đó có Giáo sư David Marr và ông Trần Hạnh, sinh viên Colombo khóa 1972, cả 2 đều là chủ bút của "Vietnam Today". Mặc dù là chủ bút của "Vietnam Today", ông Trần Hạnh biết rất ít thực tế đang xảy ra tại Việt Nam. Được Radio Australia phỏng vấn ông Hạnh tự nhận là **mãi đến đầu thập niên 1980, ông mới biết cha của ông một sĩ quan cấp tá Quân lực Việt Nam Cộng Hòa bị tù "cải tạo", mẹ ông bị đui đi kinh tế mới và các em ông phải ly tán.**

Năm 1992, ông Hạnh về Việt Nam khi cha ông vừa ra tù. Ông Hạnh cho tôi biết cha ông rất buồn vì ở Úc ông theo cộng sản và rất sợ vì ở Việt Nam ông Hạnh luôn bị công an cộng sản quấy nhiễu. Nhờ chuyến đi đó ông mới biết được phần nào thực tế đang xảy ra tại Việt Nam. Ông Hạnh khi ấy đang học cao học truyền thông có làm một cuộn phim quay video về đời sống ở Việt Nam ông cho tôi biết "lén" mang về Úc và được phát trên đài truyền hình ABC. Ông Hạnh sau sang Anh làm Trưởng ban Việt Ngữ đài BBC, rồi lại về Úc, làm Giám đốc sản xuất cho Radio Australia.

Cũng khoảng thời gian đó, sử gia Úc, Giáo sư David Marr có cho tôi biết ông vừa từ Việt Nam về, trước khi ông bước lên máy bay, tất cả những tài liệu và cả vở ghi chú của ông đều bị công an cộng sản tịch thu. Cũng đầu thập niên 1990, khi Hà Nội bắt đầu nối lại quan hệ ngoại giao với Mỹ, nhiều hội viên Hội Úc Việt khi đó "vỡ mộng" biết được cộng sản Việt Nam phản bội niềm tin của họ, **Hội quyết định giải tán.**

Tị nạn chính trị

Ngày 11/11/1975, Toàn quyền John Kerr sa thải Thủ tướng Whitlam, và chọn lãnh tụ đối lập Malcolm Fraser làm thủ tướng xử lý thường vụ sửa soạn bầu cử. Ngày 13/12/1975, Liên đảng Tự Do – Quốc Gia thắng cử, Thủ tướng Malcolm Fraser đảo ngược chính sách của Chính phủ Whitlam cho phép các sinh viên được định cư và đón nhận người Việt tị nạn chính trị.

Vào đầu năm 1976, Tiến sĩ Nguyễn triệu Đan nhận được thư của Bộ Trưởng Di trú và Sắc tộc sự vụ, Michael Mackellar, thông báo **hủy bỏ giao ước "không được làm chính trị"**. Nhưng dù thất cử, ông Whitlam tiếp tục giữ vai trò thủ lĩnh đối lập với đường lối cứng rắn quyết ngăn cản người Việt tị nạn cộng sản được định cư tại Úc.

Đến ngày 10/12/1977 khi Thủ tướng Fraser thắng cử nhiệm kỳ 2 chính sách nhận người Việt tị nạn mới phần

nào thay đổi.

Mãi đến 20-21/7/1979, sau Hội nghị Geneva về người tị nạn Đông Dương, Chính phủ Fraser đồng ý Úc sẽ nhận thêm mỗi năm hàng chục ngàn người tị nạn. Giữa năm 1982, Chính phủ Fraser đạt thỏa thuận với nhà cầm quyền Hà Nội để người Việt tị nạn được bảo lãnh gia đình còn kẹt lại ở Việt Nam.

Theo số thống kê vào tháng 6/1976, có 2,427 người Việt trên toàn nước Úc. Số người Việt tại Úc tăng đến 60,000 người vào cuối năm 1982 và 220,000 người vào năm 2016. **Nếu tính luôn thế hệ tiếp nối sinh ra tại Úc số người Việt tự do có thể đã lên đến trên 300,000 người.**

Hai vị ân nhân

Nữ hoàng Elizabeth Đệ Nhị và Thủ tướng Malcolm Fraser quả đã khai sinh cộng đồng người Việt tự do. Trong tang lễ ông Fraser ngày 27/3/2015, tôi và hàng trăm người Việt khác đã “xuống đường” trước cửa nhà thờ Scots' với ba biểu ngữ lớn biểu lộ tấm lòng tri ân của người Việt tự do dành cho ông. Ông Nguyễn thế Phong, cựu chủ tịch Cộng đồng, mặc áo dài đen, đội khăn đống, tay ôm bức chân dung của ông Fraser, hai bên là hai lá cờ Úc Việt (cờ vàng ba sọc đỏ), thương tiếc sự ra đi của vị ân nhân đáng kính nhất của người Việt tự do. Cuộc xuống đường được truyền thông chú ý và đưa tin: người Việt không quên ơn ông Fraser, người Việt không quên ơn nước Úc đã mở rộng bàn tay cứu mang đoàn người trốn chạy cộng sản tìm tự do trên đất Úc.

Người Việt tự do

Đảng Tự Do trước đây đã sát cánh với miền Nam chống lại cộng sản, sau 30/4/1975 lại đề ra những chính sách đón nhận người Việt tị nạn cộng sản và gia đình còn kẹt lại ở Việt Nam. Theo Tiến sĩ Nguyễn Triệu Đan và Tiến sĩ Nguyễn Văn Hưng, ngày 10/2/1976, sau khi Thủ tướng Malcolm Fraser quyết định nhận người tị nạn chính trị, hai ông và một số sinh viên thành lập **Hội Ái Hữu Việt Kiều Tự Do** dự tính giúp chính quyền tiểu bang Victoria tiếp đón đồng bào sẽ qua Úc định cư. Hội Ái Hữu Việt Kiều Tự Do chính là tiền thân của Cộng Đồng Người Việt Tự do tại Victoria.

Trải 44 năm, từ ngày thành lập 10/2/1976, các Ban Chấp Hành Cộng Đồng Người Việt Tự do tại Victoria đều luôn giữ đường lối độc lập với các đảng chính trị tại Úc nhưng trong tận đáy lòng không quên ơn Thủ Tướng Malcolm Fraser, một đặc điểm đáng ghi nhận của Cộng Đồng tại Victoria nói riêng và tại Úc châu nói chung.

Đây là bài viết đầu tiên trong loạt bài 45 năm nhìn lại những thử thách từ bước ban đầu thành lập cho đến ngày nay (1975-2020), và duyệt lại nỗ lực trẻ trung hóa thành phần lãnh đạo hậu tiếp nối duy trì truyền thống của người Việt tự do.

Phần 2: Những Gương Mặt Trong Cộng Đồng Người Việt Tị Nạn Đến Thành Phố Melbourne, Úc Từ 1976.

Theo phần mở đầu Bản Nội Quy, Cộng Đồng Người Việt Tự Do tại Victoria đã được hình thành vào những năm cuối của thập niên 1970, nhưng Bản Nội Quy không cho biết ngày thành lập. Theo thông tin về Liên Hội Ái Hữu người Việt Tự Do Úc Châu tiền thân Cộng Đồng Úc Châu đã được thành lập vào ngày 26/12/1977, tại thủ đô Canberra. Đại diện cho Victoria tham dự cuộc họp có Tiến sĩ Nguyễn Triệu Đan, bà Huỳnh Bích Cẩm và ông Đoàn Việt Trung. Tiến sĩ Nguyễn Văn Hưng mặc dầu không tham dự cuộc họp nhưng sau đó được mời làm Tổng thư ký Hội từ năm 1977 đến năm 1983.

Nhờ thông tin của bà Huỳnh Bích Cẩm và nhờ một số tài liệu tìm được cho biết **Hội Ái Hữu Việt Kiều Tự Do** được **thành lập ngày 10/2/1976** chính là tiền thân của Cộng Đồng Người Việt Tự Do tại Victoria.

Hội Ái Hữu Việt Kiều Tự Do

Tiến sĩ Nguyễn Văn Hưng dưới bút danh Đào Phụ Hồ trên báo Văn Nghệ phát hành tại Úc châu vào ngày 12/8/2004, cho biết Hội Ái Hữu Việt Kiều Tự Do được thành lập ngày 10/2/1976. Theo hồi ký Tiến sĩ Nguyễn

Triệu Đan sau khi Thủ tướng Malcolm Fraser quyết định nhận người tị nạn chính trị vào tháng 2/1976, ông và một số sinh viên tổ chức một cuộc họp để thành lập **Hội Ái Hữu Việt Kiều Tự Do** dự tính hợp tác với chính quyền tiểu bang Victoria tiếp đón và giúp đỡ đồng bào mới qua. Ông Đan cho biết Hội bầu một Ban Chấp Hành Lâm Thời gồm 4 người, trong đó có ông và bà Huỳnh Bích Cẩm hiền thê của ông, ít lâu sau mọi người cử ông làm Hội trưởng. Bà Huỳnh Bích Cẩm cho biết cuộc họp chỉ có 7 hay 8 người, Ban Chấp Hành còn có Tiến sĩ Nguyễn Văn Hưng và Thầy Huỳnh San, cuối năm 1979 Thầy San chịu chức linh mục. Bà Cẩm không nhớ tên các hội viên sáng lập khác vì họ hầu hết là sinh viên sau này không còn sinh hoạt.

Theo thống kê dân số **vào tháng 6/1976, có 382 người Việt sống rải rác tại Melbourne**, nên so ra số hội viên sáng lập tuy khiêm nhường nhưng chiếm một tỉ lệ không nhỏ. Bà Cẩm cho biết nhu cầu chính của Hội lúc ban đầu là tạo mối dây liên lạc với người Úc, ông Đan có kinh nghiệm và quen biết với chính giới, lãnh đạo tôn giáo, ký giả và giới khoa bảng Úc nên được các hội viên đề cử giữ vai trò Hội trưởng.

Trong hồi ký ông Nguyễn Triệu Đan nói rõ hơn:

“Mang tên là Hội Ái Hữu Việt Kiều Tự Do, song trên thực tế chúng tôi chỉ là một nhóm nhỏ noi tự nguyện hoạt động, phương tiện không có, đọc báo theo dõi tin tức, thấy nói có người mình tới thì báo nhau đến thăm bà con gặp nhau tay bắt mặt mừng, song giúp đỡ cụ thể thì người đến trước chỉ có thể giúp đồng hương tới sau bằng cách thông ngôn và cung cấp chỉ dẫn về đời sống địa phương”

Danh xưng Việt kiều

Bà Huỳnh Bích Cẩm cho biết tên tiếng Anh của Hội là **Vietnamese Friendly Society**. Chữ Vietnamese vì thế có thể được dịch là Việt kiều, người Việt hay người Việt tự do. Ông Đoàn Việt Trung, cựu chủ tịch Cộng Đồng Úc châu, giải thích **chữ Việt kiều khi ấy mang ý nghĩa công dân Việt Nam Cộng Hòa sống trên đất Úc**. Ngược lại chữ hội trưởng hay chủ tịch đều được dịch sang Anh ngữ là president. Trong khi đó phía cộng sản dịch chữ chủ tịch là chairman.

Nhóm tị nạn đầu tiên.

- Ngày 19/3/1976, nhóm người Việt tị nạn đầu tiên gồm chừng 20 người đến định cư tại Melbourne từ Thái Lan. Ông Nguyễn Hữu Thu là một người trong nhóm này cho chúng tôi biết Tiến sĩ Nguyễn Văn Hưng, Thầy Huỳnh San cùng một nhóm nhỏ nữ sinh viên tại đại học Monash đến đón bà con ngay tại phi trường Tullamarine rồi đưa về thẳng bệnh viện ở vài ngày để khám sức khỏe tổng quát trước khi chuyển về Eastbridge Hostel, Nunawading.
- Đến ngày 7/2/1977, nhóm người Việt tị nạn thứ hai gồm chừng 250 người trong số có Thầy Bùi Đức Tiến, đến cuối năm 1979 Thầy được thụ phong linh mục. Tương tự, Linh mục Tiến cho biết Thầy Huỳnh San, Tiến sĩ Nguyễn Văn Hưng và Tiến sĩ Trần Minh Hà đã ra tận phi trường Tullamarine, Melbourne, đón bà con mới sang và giúp đỡ bà con trong bước đầu định cư

Thuyền nhân đề tài chính trị.

Ngày 26/4/1976, tàu Kiên Giang chở 5 thuyền nhân đến thẳng Úc. Khi tàu ghé Malaysia định đi Guam họ được một thuyền trưởng người Úc cho bản đồ, hướng dẫn đường đi và khuyên họ nên đi thẳng tới Úc theo luật (khi đó) họ sẽ được nhận. Trong năm 1976, 3 tàu khác với 111 thuyền nhân cũng đến thẳng Úc. Sang năm 1977, có thêm gần 30 tàu với tổng số 868 người cập bến Úc.

Ngày 13/12/1975, đảng Lao Động thất cử, **Gough Whitlam** mất chức thủ tướng, nhưng tiếp tục giữ chức thủ lãnh đối lập và vẫn giữ đường lối cứng rắn hầu **ngăn cản người Việt tị nạn được đến Úc định cư**. Gough Whitlam lợi dụng việc thuyền nhân từ Việt Nam đến thẳng Úc để mở chiến dịch tranh cử. Thủ Tướng Gough Whitlam là người bãi bỏ chính sách di dân da trắng của Úc, nhưng lại mâu thuẫn trong chính sách đối với người tị nạn cộng sản, nên đến nay nhiều người vẫn xem ông là thiên cộng và kỳ thị người miền Nam Việt Nam.

Ngày 10/12/1977, Thủ tướng Malcolm Fraser thắng cử nhiệm kỳ 2 nhưng thuyền nhân vẫn là đề tài tranh luận tại Quốc Hội. Năm 1978, có thêm 746 thuyền nhân Việt đến thẳng Úc, phe đối lập đề nghị **lập trại tạm giam, kéo tàu tị nạn trở ra biển và giới hạn những trợ cấp an sinh xã hội**. Tất cả mọi ý kiến của phía đối lập đều bị Thủ tướng Fraser bác bỏ, ngược lại phe đối lập không **cho phép chính phủ nhận thêm nhiều người Việt từ các trại tị nạn**. Trong khi đó, các trại tị nạn tại Đông Nam Á lại chật cứng thuyền nhân mới tới. Năm 1977 có 21,276 người; năm 1978 có tới 106,489 người; và chỉ 6 tháng đầu năm 1979 có đến 166,604 người đến được các trại tị nạn. Nhiều người bị hải tặc Thái Lan cướp, cưỡng hiếp và bắt cóc, nhiều tàu cập bến bị đuổi ra, nhiều người chết trên biển, và **nhiều con tàu tiếp tục cuộc hành trình đến Úc**.

Theo ước tính của Phủ Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc **có tới nửa triệu người Việt mất tích trên đường tìm tự do**. Ngày 21/7/1979, Hội nghị quốc tế về người tị nạn được triệu tập tại Geneva với 66 quốc gia tham dự để tìm ra những giải pháp cho người tị nạn Đông Dương. Chính phủ Fraser đồng ý Úc sẽ nhận thêm mỗi năm hàng chục ngàn người tị nạn. Đồng thời tiến hành **thương lượng với nhà cầm quyền công sản để những người tị nạn được bảo lãnh gia đình** còn kẹt lại ở Việt Nam.

Hội trưởng đầu tiên

Tiến sĩ Nguyễn Triệu Đan là **hội trưởng đầu tiên** của Hội nhiệm kỳ 1 năm 1976-77. Ông tốt nghiệp luật khoa Đại học Paris, ở Pháp, sau đó phục vụ ngoại giao cho chính phủ Việt Nam Cộng Hòa từ 1955 đến năm 1975. Ông từng làm Tổng lãnh sự tại Ấn Độ, thành viên phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa tại Hòa Đàm Paris, Pháp, và là Đại sứ tại Nhật. Giữa tháng 7/1975 ông cùng gia đình đến Úc định cư. Ông còn nhiều đóng góp khác cho cộng đồng, như đầu năm 1983, ông làm trưởng nhóm 25 người vận động đưa tiếng Việt vào Chương trình Trung Tiểu học tại Victoria. Đến đầu năm 1987 tiếng Việt đã được công nhận là môn thi để lấy bằng tốt nghiệp trung học tại Victoria.

Ông Nguyễn Việt Long, cựu chủ tịch Cộng Đồng và cựu chủ tịch Hội Cựu Quân Nhân, cho biết ông Đan cũng giúp vận động để các cựu quân nhân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa được **hưởng quyền lợi hưu trí theo tiêu chuẩn cựu quân nhân Úc**. Vào tháng 10/1991, Tiến sĩ Đan thành lập Câu Lạc Bộ thứ Sáu là diễn đàn chính trị vận động cho nhân quyền, tự do và dân chủ tại Việt Nam. Ông Nguyễn Triệu Đan qua đời ngày 15/5/2013 tại Melbourne hưởng thọ 84 tuổi.

Hiền thê ông Đan là bà Huỳnh Bích Cẩm ở tuổi bát tuần (tuổi 80) vẫn tích cực hoạt động xã hội. Bà sáng lập Hội Phụ Nữ Việt Úc năm 1983 và vẫn giữ vai trò Tổng Thư Ký kiêm Giám Đốc của Hội. Chúng tôi sẽ có bài viết riêng về Hội Phụ Nữ Việt Úc.

Hội trưởng thứ hai

Ông Đoàn Việt Trung, cựu chủ tịch Cộng Đồng Liên Bang, cho biết **Tiến sĩ Nguyễn Văn Hưng** là người soạn bản Nội Quy và là Hội trưởng thứ hai trong thời gian 1977-78. Ông Trung là Trưởng ban Văn Nghệ nhưng không nhớ người nào khác trong Ban Chấp Hành dưới thời ông Hưng. Ông Hưng là sinh viên Colombo sang Úc năm 1965, tốt nghiệp ngành Kỹ sư Hóa Học ở Viện đại học Queensland và Tiến sĩ Hóa học tại Viện đại học Monash. Từ tháng 11/1975 đến cuối năm 1978, ông Hưng là chủ bút tạp chí Người Việt Tự Do, quay roneo và phổ biến miễn phí cho bà con mới sang. Ông Đoàn Việt Trung chịu trách nhiệm vẽ cho tạp chí. Ông Hưng và ông Trung xin thư viện Đại Học Monash một góc riêng để giữ các tạp chí và sách báo của người Việt tự do.

Ông Hưng cộng tác với Bộ Di Trú Úc đón tiếp người tị nạn ngay tại phi trường, giúp đỡ bà con tại các trung tâm tiếp cư di dân, giúp đỡ bà con xin việc làm cũng như chuẩn bị cho họ khả năng hội nhập và định cư. Ông đứng ra tổ chức Tết Trung Thu, Tết Nguyên Đán, Tưởng niệm biển cố 30/4/1975, biểu tình chống các phái đoàn cộng sản. Ông Hưng còn là Tổng thư ký của Liên Hội Ái Hữu người Việt Tự Do Úc châu trong 5 năm, liên tục từ 1977 đến 1982. Ông vận động **đài sắc tộc 3EA** cho chương trình phát thanh tiếng Việt và được 3EA mời giữ Trưởng ban Việt ngữ. Đài phát thanh hàng tuần buổi đầu tiên vào ngày 25/4/1978 cho đến giữa năm 1992 đài sát nhập với 2EA Sydney thành đài phát thanh toàn quốc SBS.

Ông Hưng và ông Nguyễn Ngọc Phách trong một thời gian dài còn thực hiện chương trình phát thanh hàng tuần trên đài phát thanh Radio Australia phát về Việt Nam. Ông Hưng là tác giả hàng ngàn bài báo và nghiên cứu, dưới các bút hiệu Đào Phụ Hồ, Nguyễn Lương Triều, Nguyễn Nhất Đình, Ngụy Ông, Nguyễn Tất Thắng, Đăng Phong Hầu, được đăng trên nhiều tờ báo hải ngoại. Khoảng đầu thập niên 1990, khi biết tôi viết tiểu luận cao học về “*Tình hình giáo dục tại Việt Nam*”, chính ông Hưng đã đến tận nhà hỏi mượn bài viết cùng tài liệu để nghiên cứu và viết bài.

Ông Hưng, Giáo sư Bửu Khải và Giáo sư Nguyễn Ngọc Phách còn thành lập và phụ trách giảng dạy khoa Thông Ngôn Phiên Dịch, thuộc trường Ngôn Ngữ Viện Cao Đẳng Kỹ Thuật RMIT ở Melbourne. Trong vòng 20 năm cộng tác với RMIT ông đào tạo hàng trăm thông ngôn và phiên dịch viên. Ông cũng dịch nhiều tác phẩm từ tiếng Việt sang tiếng Anh, như quyển “Chuyện kể năm 2000” của nhà văn Bùi Ngọc Tấn.

Công việc chính của ông Hưng là Giám Đốc kỹ thuật Công ty hóa chất ICI (sau đổi thành Orica), **những đóng góp của ông cho cộng đồng đều hoàn toàn bất vụ lợi.** Ông Hưng tiêu biểu cho những người tiên phong khai dựng Cộng đồng người Việt tự do tại Victoria và Úc châu, ông qua đời ngày 5/8/2012 tại Melbourne hưởng thọ 65 tuổi.

Linh mục Huỳnh San

Cha San luôn gắn bó với sinh hoạt Cộng Đồng, Cha là chủ tịch Cộng đồng Người Việt Tự Do tại Victoria, nhiệm kỳ 1982-83. Cha về chôn Vĩnh Hằng ngày 10/10/2019, hưởng thọ 71 tuổi, với một tang lễ thật đơn sơ. Quan tài của Cha được đặt dưới đất với di ảnh Cha mặc áo lễ có hình lá cờ vàng ba sọc đỏ. Chiếc áo lễ với hình lá cờ Việt Nam Cộng Hòa này, Cha được một giáo dân tặng và đã mặc trong buổi lễ thụ phong linh mục trên 40 năm trước.

Người Việt Tự Do

Đến khoảng cuối năm 1978 thành phố Melbourne đã có trên 2,000 người, để tránh bị coi là công dân nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, những người tị nạn mới sang không còn đồng ý sử dụng Danh xưng Việt kiều nữa. Danh xưng được đổi thành người Việt tự do và Hội đổi tên thành **Hội Ái Hữu người Việt Tự Do tại Victoria.**

Phần 3:

Những Thách Thức Của Người Tị Nạn Tại Thành Phố Melbourne Trong Giai Đoạn 1978-83.

Sang tới nhiệm kỳ 2 của Thủ tướng Malcolm Fraser, chính sách về người tị nạn Đông Dương mới được mang ra Quốc Hội tranh luận và đến gần cuối năm 1978 mới được ban hành. Nhưng phải đợi đến sau Hội nghị quốc tế về người tị nạn tại Geneva, ngày 21/7/1979, và vào thời Bộ Trưởng Di Trú và Sắc tộc Sự Vụ Ian MacPhee (1979-82) số người Việt được nhận định cư từ các trại tị nạn Đông Nam Á mới thực sự gia tăng. Năm 1980, có 12,915 người, năm 1981 và 1982, mỗi năm chừng 12,000 người được Úc nhận, nhờ thế người Việt tị nạn không mạo hiểm dùng thuyền đi thẳng đến Úc.

Bộ Trưởng Ian MacPhee còn là người khởi xướng chính sách Ra Đi Trật Tự (Orderly Departure Program) thương lượng với nhà cầm quyền cộng sản để những người tị nạn được bảo lãnh gia đình còn kẹt lại ở Việt Nam. Gia đình đầu tiên được bảo lãnh đến Úc vào giữa năm 1982, có thể gia đình này đã đến thành phố Melbourne.

Theo thống kê ABS vào tháng 6/1976 chỉ với 382 người, cuối năm 1978 ước tính đã có gần 2,000 người, đến cuối năm 1982 đã có trên 20,000 người Việt định cư tại Melbourne.

Giai đoạn 1978-83 rất đặc biệt trong nỗ lực phát triển cộng đồng từ việc ổn định đời sống cá nhân đến các sinh hoạt tương trợ, xã hội, văn hóa, dạy tiếng Việt cho con em, sang đến việc vận động chính giới, chính trị Việt Nam và xây dựng một cơ chế cộng đồng liên bang.

An cư lạc nghiệp

Người Việt tị nạn thường bắt đầu cuộc sống tại các Trung tâm tiếp cư (hostel), được trợ cấp đặc biệt bằng với tiền trợ cấp thất nghiệp, được học Anh văn sơ cấp ngay tại Trung tâm, có nhân viên xã hội giúp đỡ, con cái có xe đưa đón đến tận trường. Các sinh hoạt cộng đồng như bầu cử, biểu tình, các sinh hoạt tôn giáo như Lễ Giáng Sinh, có xe buýt đến tận Trung Tâm đưa đón. Nhưng ngược lại bà con phải trả đến 3/5 khoản trợ cấp, đồ ăn do Trung tâm cung cấp lại không hợp khẩu vị, cuộc sống chung đụng không thoải mái nên nhanh chóng mượn nhà và dọn ra. Bước ban đầu mọi người đều dựa vào nhau thu nhặt thông tin, giới thiệu công việc và nhất là chia sẻ niềm vui nỗi buồn đời tị nạn.

Khu Richmond sát cạnh trung tâm thành phố, cạnh nhà thờ Linh mục Huỳnh San, giá mượn nhà rẻ, có nhà cao tầng chính phủ cho mượn rất rẻ, nên nhanh chóng trở thành Sài Gòn nhỏ tập trung người Việt. Ba khu Footscray, Springvale và Box Hill vì ở sát ba Trung tâm Midway, Enterprise và Eastbridge nên số người Việt sinh sống buổi ban đầu cũng rất đông.

Người tị nạn siêng năng, không đòi hỏi, có việc là làm, thập niên 1970 công việc hăng xướng lại nhiều, nên đa số đến Melbourne hôm trước hôm sau có việc làm. Hầu hết người tị nạn đều cố gắng làm việc không chỉ để lo cho bản thân và gia đình ở Úc, họ còn phải gởi quà, gởi tiền cho gia đình còn kẹt lại ở Việt Nam. Nhà cửa khi đó rẻ có việc làm là nhà băng cho mượn tiền, nhiều người Việt mua ngay nhà và chỉ trên 5 năm là trả xong nhà, rồi đổi nhà lớn hơn hay xây nhà ở các khu vực khác.

- Một số người không thích công việc làm tay chân thì thi vào các công việc chính phủ như lái hay bán vé xe điện (xe tram), bưu điện hay công chức bậc thấp.
- Một số người có ít vốn mở tiệm buôn, nhà hàng hay hăng xướng nhỏ.
- Một số khác tiếp tục học tiếng Anh để có thể xin được một chỗ học ở Đại Học hay Cao Đẳng.
- Sang đầu thập niên 1980, kinh tế Úc suy thoái, người tị nạn lại sang rất đông, nên nhiều người phải ở nhà may gia công hay lên nông trại làm việc.

Tôi đến Melbourne tháng 4/1983, thời điểm kinh tế còn khủng hoảng rất khó kiếm việc làm nên phải vừa học toàn thời, cuối tuần làm việc ở nông trại, tối đến chạy bàn ở nhà hàng, sẽ có bài viết riêng gởi bạn đọc.

Không muốn bị gọi là “Việt kiều”

Từ ngữ “Việt Kiều” trước đây mang ý nghĩa công dân Việt Nam Cộng Hòa sống trên đất Úc. Sau 30/4/1975, Tòa Đại Sứ Cộng sản tại Canberra công khai lôi kéo “Việt Kiều” nhất là những sinh viên du học trước đây đứng về phía họ.

Ông Nguyễn Hữu Thu có kỷ niệm chua chát là vào giữa năm 1978, Tòa Đại Sứ Cộng sản từ Canberra xuống Melbourne tổ chức một cuộc họp giải thích “chính sách đối với kiều bào” có một số sinh viên và cựu sinh viên tham dự. Bên ngoài buổi họp bà con tị nạn biểu tình phản đối, điểm mặt những người tham dự là tay sai cho cộng sản. Ít nhất một sinh viên tên L. sau khi tham dự cuộc họp ít lâu bị đón đánh ở Richmond. Sau đó một bài viết trên báo Trắng Đen phát hành tại Mỹ đưa tin cuộc họp, với danh sách những người được cho là tham dự buổi họp và ví họ như “cỏ đuôi chó”.

Khi ấy ở Úc chưa có báo chí Việt ngữ, còn ông Thu đang theo học tại viện Đại Học Melbourne, không tham dự buổi họp, nhưng không hiểu vì lý do gì trong danh sách lại có tên ông. Ông Thu cùng lúc đang thực tập ngành nhân viên xã hội tại Ecumenical Migration Centre (EMC) ông báo cho họ biết, họ khuyên ông nên gởi bài báo cho Bộ Di Trú. Bộ mời ông lên gặp để tìm hiểu, ông nói họ muốn biết thì hỏi sinh viên L. sẽ rõ, còn ông không tham dự và không biết gì. Sau đó một người bạn cho ông biết một số người muốn vào tận ký túc xá Đại Học nơi ông đang cư ngụ để tìm ông, nhưng anh ấy cho họ biết ông là người tị nạn cộng sản và là cựu sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa nên họ mới thôi không đến.

Khi ấy thành phần thiên tả Úc – Việt liên tục tổ chức các cuộc triển lãm và hội họp buộc những người tị nạn mới sang không thể làm ngơ. Nhiều cuộc biểu tình dẫn đến xô sát và việc tìm “thanh toán” giới thiên tả và cộng sản thường xuyên xảy ra. Linh mục Bùi Đức Tiến cho biết có 2 lần những người bị đánh, vì bị cho là theo cộng sản, phải chạy vào nhà thờ nhờ Cha giúp tránh bị hành hung.

Ở thủ đô Canberra căng thẳng hơn khi một người tị nạn và mấy nhân viên Tòa Đại sứ cộng sản đánh nhau ngay giữa chợ trời. Đưa nhau ra tòa, người tị nạn thắng kiện, nhờ được nhân chứng người Úc thấy nhiều người tấn công anh. Bạo động nhất là vụ “Quốc hiệu” nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam treo trước cửa Tòa Đại sứ cộng sản bị bắn nát, truyền hình báo chí Úc đưa tin hàng đầu, cảnh sát không bắt được ai. Theo tôi biết phía Tòa Đại Sứ không muốn làm lớn chuyện, vì họ e ngại báo chí Úc sẽ biến thành một vụ án chính trị không có lợi cho họ. Để tránh bị tiếp tục tấn công, Tòa Đại Sứ phải lạng lẽ rời về góc cuối một con đường vùng O'Malley ít người qua lại dựng để bảo vệ.

Tôi nhớ vụ này Giáo sư sử học David Marr, một người thiên cộng, phải lên truyền hình áp úng nói không lên lời biểu lộ sợ hãi đến phiên mình và gia đình được hỏi thăm sức khỏe.

Việc này khi đó gây khá nhiều tranh cãi. Đến nay nhiều người vẫn tin rằng trong giai đoạn đó làm như thế là đúng, mới ngăn cản ảnh hưởng của Tòa Đại Sứ Cộng sản vào sinh hoạt cộng đồng và giúp cộng đồng phát triển. Vài câu chuyện nêu trên cho thấy ngay từ buổi ban đầu người Việt tị nạn đã **không chấp nhận Tòa Đại Sứ Cộng sản đại diện cho mình, họ không chấp nhận những người theo cộng sản, họ cảm thấy từ ngữ “Việt kiều” không còn thích hợp, nên muốn đổi danh xưng thành người Việt tị nạn, người Việt quốc gia hay người Việt tự do.** Tên tiếng Anh của Hội Việt Kiều Tự Do sau năm 1978 cũng được đổi từ Vietnamese Friendly Society thành Vietnamese Association in Victoria.

(Còn Tiếp)